

TOPIC IN SEPTEMBER 2025

WEEK	TOPICS	VOCABULARY	DAILY ENGLISH
Tuần I	MY BODY	- Head: Đầu - Face: Khuôn mặt - Eye: Mắt - Nose: Mũi - Mouth: Miệng	1) What can you see on your face? (Con thấy gì trên khuôn mặt?) → I can see my eyes and nose. (Con thấy mắt và mũi.) 2) How many eyes do you have? (Con có mấy mắt?) → I have two eyes. (Con có hai mắt.) 3) What do you use to hear? (Con dùng gì để nghe?) → I use my ears. (Con dùng tai để nghe.)
Tuần II	MY BODY	- Ear: Tai - Hair: Tóc - Tooth/Teeth: Răng - Tongue: Lưỡi - Neck: Cổ	4) What do you use to eat? (Con dùng gì để ăn?) → I use my mouth and teeth. (Con dùng miệng và răng để ăn.) 5) How many hands do you have? (Con có mấy bàn tay?) → I have two hands. (Con có hai bàn tay.)
Tuần III	MY BODY	- Hand: Bàn tay - Finger: Ngón tay - Arm: Cánh tay - Leg: Chân - Foot/Feet: Bàn chân	6) Can you clap your hands? (Con có thể vỗ tay không?) → Yes, I can. / No, I can't. 7) Can you touch your shoulders? (Con có thể chạm vào vai không?) → Yes, I can. (Có, con có thể.) 8) Where is your tummy? (Bụng con ở đâu?) → Here is my tummy. (Đây là bụng của con.)
Tuần IV	MY BODY	- Knee: Đầu gối - Shoulder: Vai - Back: Lưng - Tummy/Belly: Bụng - Toe: Ngón chân	BÀI HÁT/VIDEO GỢI Ý: Head, Shoulders, Knees and Toes (Super Simple Songs) If You're Happy and You Know It (Clap Your Hands) One Little Finger (Super Simple Songs) My Body Song (CoComelon) The Body Parts Song (Kids Songs)